

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **91/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 13 - 6 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Duy Loan.

Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Văn Diễn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Quách Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 và Thông báo về việc dời thời gian xét xử vụ án hôn nhân và gia đình số: 129/TB-TA ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà H. Địa chỉ ĐKKHTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày: Bà H và ông T quen biết nhau, có tình cảm và về sống chung với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 31/3/2021. Sau khi kết hôn, hai người có thời gian dài chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông T nhiều lần đánh bà H, do không hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, hai người có 01 con chung tên N, sinh ngày 11/10/2021, từ khi sinh ra cho đến nay thì cháu N sống cùng với bà H và do bà H

trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và cháu N hiện đang sống tại nhà cha mẹ bà H thuộc tỉnh Kiên Giang. Hiện nay, bà H đang làm thợ may thuê cho người chị với mức thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng, bà H có đủ điều kiện về kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; cha mẹ bà H đều còn trong tuổi lao động và có thu nhập ổn định; ngoài ra, cha mẹ bà H có hứa sẽ cho bà H đất canh tác nhưng hiện nay vẫn chưa làm thủ tục. Cháu N đang được bà H gửi đi học hè tại tỉnh Kiên Giang, bà H có phương tiện đi lại để đưa cháu N đi học, cháu N hiện vẫn phát triển bình thường.

Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- + Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T.
- + Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.
- + Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, riêng về nguyên nhân mâu thuẫn thì ông T có xô xát với bà H 02 lần nhưng không nghiêm trọng hay gây thương tích gì.

+ Về hôn nhân: Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H.

+ Về con chung: Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, thu nhập hàng tháng của ông T khoảng 10.000.000 đồng từ việc làm vườn, mua bán trái cây, làm hồ và có sổ tiết kiệm khoảng 20.000.000 đồng. Ngoài ra, cha mẹ ông T còn cho ông T đất trồng cây lâu năm diện tích khoảng 1.500m² nhưng chưa sang tên, ông T đang hưởng chế độ chính sách sĩ quan dự bị với thu nhập một năm trên 6.000.000 đồng, ông T có phương tiện đi lại để đưa cháu N đi học.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông T trình bày không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện, về hôn nhân, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T; về con chung, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, bà H không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C; Tòa án nhân dân huyện Kế Sách thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/3/2021, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày sau khi kết hôn, hai người có thời gian dài chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông T nhiều lần đánh bà H, do không hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T cũng thừa nhận hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do không hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay, nay ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà H và ông T có thể đoàn tụ nhưng không thành. Như vậy, việc bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân với nhau, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà H vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà H. Vì vậy, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho bà H được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà H và ông T có với nhau 01 người con chung tên N, sinh ngày 11/10/2021, giới tính nữ. Hiện nay, cháu N đang sống cùng với bà H tại nhà cha mẹ bà H và do bà H trực tiếp nuôi dưỡng; bà H có đủ khả năng để trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; từ khi bà H và ông T sống ly thân với nhau từ tháng 02/2024 cho đến nay thì cháu N do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên việc tiếp tục giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; cháu N còn rất nhỏ và lại là con gái nên sống cùng với mẹ sẽ phù hợp hơn sống cùng với cha; cháu N đã sống với bà H và gia đình bên ngoại từ nhỏ nên việc tách rời cháu N ra khỏi bà H và gia đình bên ngoại sẽ làm thay đổi môi trường sống, làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của cháu N. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt

của cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N của bà H và giải quyết giao cháu N cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà H. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông T. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông T. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 31/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp)*

1.2. Về con chung: Giao người con chung là cháu N, sinh ngày 11/10/2021 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện các quyền này. Ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà H. Trường hợp ông T có các hành vi này thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông T theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con chung có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp (do bà Nguyễn Thị Như Quỳnh nộp thay) là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009097, ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt